

Số: 68/2024/QĐST-DS

Mỏ Cày Nam, ngày 19 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 398/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp P, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983;

2/ Bà Nguyễn Thị Loan T2, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Số 167D3, ấp A, xã M1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Bé H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp P, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mộng T3, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H và bà T: Ông Trần Nhật Long H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 137C, Hùng Vương, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Đăng T, bà Trương Thị Bé H và bà Nguyễn Thị Mộng T3 thống nhất thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.316,4 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Phú Quới, xã Tân Hội,

huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vô hiệu. Ông T, bà H và bà T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

2.2. Ông Nguyễn Đăng T, bà Trương Thị Bé H và bà Nguyễn Thị Mộng T thống nhất thoả thuận hợp đồng thuê nhà đề ngày 23/4/2021 giữa bà Trương Thị Bé H và ông Nguyễn Đăng T đối với căn nhà cất trên thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.316,4 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Phú Quới, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vô hiệu. Ông T, bà H và bà T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

2.3. Kiến nghị Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 142615, số vào sổ cấp GCN: CS05500 cấp cho bà Trương Thị Bé H ngày 20/5/2021 đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.316,4 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để cấp lại cho ông Nguyễn Đăng T theo quy định pháp luật.

2.4. Ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T tổng số tiền vay gốc là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Thời hạn trả khi quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

#### 2.5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ chịu, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trung đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002252 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng do:

+ Ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ chịu là 9.375.000 (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Mộng T có nghĩa vụ chịu là 9.375.000 (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thuý đã nộp là 6.928.000 (sáu triệu chín trăm hai mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002215 ngày 27/11/2023 và số tiền 1.340.000 (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002255 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Bà Thuý có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 1.107.000 (*một triệu một trăm lẻ bảy nghìn*) đồng.

- Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản và thu thập hồ sơ quy trình cấp đất, trích lục bản đồ ... tổng cộng là 6.117.000 (*sáu triệu một trăm mười bảy nghìn*) đồng do:

+ Do ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ chịu là 3.058.500 (*ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn năm trăm*) đồng, đã nộp xong.

+ Bà Trương Thị Bé H có nghĩa vụ chịu là 3.058.500 (*ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn năm trăm*) đồng. Do ông Nguyễn Đăng T đã nộp tạm ứng xong nên bà Trương Thị Bé H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP (3b). TC: 10b.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Đinh Thị Kim Ngân**